

**1TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 241/2022/DS-ST

Ngày: 01-7-2022

V/v “*Tranh chấp Hợp đồng góp hui*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH TIỀN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Cẩm Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Thanh Hiền
2. Bà Đặng Thụy Thùy Nga

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Hoàng Mai Chi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Bà Trần Ngọc Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 165/2022/TLST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp “Hợp đồng góp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2022/QĐXX-ST ngày 03 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2022/QĐDS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Nguyễn Thị R** (tên thường gọi Cô 5 H), sinh năm 1955;

Địa chỉ: Ấp TP, xã TLT, huyện CT, Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Minh Hoàng H, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Số 15 khu phố 4, phường 10, thành phố MT, Tiền Giang.

- *Bị đơn:* **Trương Thị Ngọc T** (tên thường gọi MM), sinh năm 1964;

Địa chỉ: Số 21C/4 ấp R, thị trấn TH, CT, Tiền Giang.

(Chị H có mặt, chị T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong Đơn khởi kiện ngày 29 tháng 3 năm 2022, Đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 20 tháng 6 năm 2022, quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Minh Hoàng H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị R trình bày:*

Bà Nguyễn Thị R có tham gia 04 dây hụi và mua hụi do chị Trương Thị Ngọc T (MM) làm chủ, cụ thể:

- Dây hụi 1: Hụi 2.000.000đồng, mỗi tháng khui 01 lần, hụi gồm 24 phần, khởi khui ngày 29/10/2017 âm lịch, bà R có tham gia 01 phần, đã đóng được 20 kỳ thì chị T tuyên bố ngưng hụi. Ngoài ra, bà R còn mua 01 phần hụi của dây hụi này. Sau khi ngưng hụi thì chị T có chốt nợ dây hụi này với bà R gồm: phần hụi mua giao đầu với số tiền 33.500.000đồng và đóng phần hụi sống 20 tháng với số tiền 40.000.000đồng. Dây hụi này chị T còn nợ lại bà R số tiền là 73.500.000đồng.

- Dây hụi 2: Hụi 2.000.000đồng, mỗi tháng khui 01 lần, hụi gồm 25 phần, khởi khui ngày 10/5/2018 âm lịch, bà R có tham gia 01 phần, đã đóng được 11 kỳ thì chị T tuyên bố ngưng hụi. Ngoài ra, bà R còn mua 01 phần hụi của dây hụi này. Sau khi ngưng hụi thì chị T có chốt nợ dây hụi này với bà R gồm: phần hụi mua giao đầu với số tiền 33.500.000đồng và đóng phần hụi sống 11 tháng với số tiền 22.000.000đồng. Dây hụi này chị T còn nợ lại bà R số tiền là 55.500.000đồng.

- Dây hụi 3: Hụi 2.000.000đồng, mỗi tháng khui 01 lần, hụi gồm 24 phần, khởi khui ngày 19/4/2018 âm lịch, bà R có tham gia 01 phần, đã đóng được 15 kỳ thì chị T tuyên bố ngưng hụi. Sau khi ngưng hụi thì chị T có chốt nợ dây hụi này với bà R, thừa nhận còn nợ lại bà R số tiền là 30.000.000đồng.

- Dây hụi 4: Hụi 2.000.000đồng, mỗi tháng khui 01 lần, hụi gồm 24 phần, khởi khui ngày 10/11/2018 âm lịch, bà R có mua 01 phần hụi của dây hụi này. Sau khi ngưng hụi thì chị T có chốt nợ dây hụi này với bà R, thừa nhận còn nợ lại bà R số tiền là 33.500.000đồng.

Sau khi chị T tuyên bố ngưng hụi thì giữa chị T và bà R có tổng kết lại số tiền hụi còn nợ của 04 dây hụi này, chị T đã tự viết giấy tính tiền hụi còn nợ bà

R với tổng số tiền là 192.500.000đồng bao gồm cả tiền lãi đối với các phần hội sống đã đóng.

Tuy nhiên, trên thực tế bà R đóng hội sống cho chị T mỗi kỳ chỉ 1.500.000đồng, cụ thể: Dây hội 1 đóng được 20 kỳ hội sống với số tiền 30.000.000đồng và mua 01 phần hội 33.500.000đồng; Dây hội 2 đóng được 11 kỳ hội sống với số tiền 16.500.000đồng và mua 01 phần hội 33.500.000đồng; Dây hội 3 đóng được 15 kỳ hội sống với số tiền 22.500.000đồng; Dây hội 4 mua 01 phần hội 33.500.000đồng. Do đó tổng cộng 04 dây hội nêu trên bà R đã đóng hội sống và mua hội của chị T với tổng số tiền là 169.500.000đồng.

Sau khi tổng kết hội với bà R, chị T có trả được cho bà R 16.000.000đồng vào tháng 4/2021 âm lịch và 1.000.000đồng vào ngày 30/12/2021 âm lịch. Tính đến nay chị T còn nợ lại bà R số tiền 152.500.000đồng. Nay bà R yêu chị Trương Thị Ngọc T trả cho bà R tổng số tiền hội còn nợ là 152.500.000đồng, yêu cầu thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/5/2022 chị Trương Thị Ngọc T trình bày:*

Chị T thừa nhận còn nợ tiền hội như bà Nguyễn Thị R (thường gọi là Cô 5 H) trình bày. Do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên xin trả dần số tiền nợ hội của bà R, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa;

Chị Nguyễn Minh Hoàng H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị R giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn chị Trương Thị Ngọc T vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị R.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp hợp đồng góp hội, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn Trương Thị Ngọc T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà Nguyễn Thị R yêu cầu chị Trương Thị Ngọc T trả cho bà R tổng số tiền hội còn nợ là 152.500.000đồng, yêu cầu khi án có hiệu lực pháp luật. Chị Trương Thị Ngọc T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ đơn khởi kiện ngày 29 tháng 3 năm 2022, Đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 20 tháng 6 năm 2022 và các chứng cứ do nguyên đơn giao nộp. Chị Trương Thị Ngọc T không phản đối hay có ý kiến gì đối với chứng cứ này và thừa nhận còn nợ tiền hội như bà Nguyễn Thị R (thường gọi là Cô 5 H) trình bày. Do đó Hội đồng xét xử ghi nhận.

Từ những nhận định và phân tích trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định chị Trương Thị Ngọc T còn nợ lại bà Nguyễn Thị R số tiền 152.500.000đồng. Chị Trương Thị Ngọc T đã không thực hiện đúng nghĩa vụ của chủ hội theo thỏa thuận khi chơi hội, do đó căn cứ Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 11 và Điều 18 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính Phủ quy định về họ, hội, biêu, phường, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị R.

[2.2] Xét yêu cầu xin trả dần của bị đơn không được nguyên đơn đồng ý. Đồng thời, chị Trương Thị Ngọc T đã không thực hiện nghĩa vụ của chủ hội khi giao tiền hội cho hội viên theo thỏa thuận khi chơi hội. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu xin trả dần của bị đơn.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, lời đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Chị Trương Thị Ngọc T có nghĩa vụ chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận theo

quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 357, Điều 468 và Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 11 và Điều 18 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính Phủ quy định về họ, họ, biếu, phường.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị R.

Buộc bị đơn Trương Thị Ngọc T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Nguyễn Thị R số tiền 152.500.000đồng (một trăm năm mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng). Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị R có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Trương Thị Ngọc T chậm thi hành số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả theo qui định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trương Thị Ngọc T chịu 7.625.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3/ Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Chi Cục THADS huyện Châu Thành, TG;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

ĐÃ KÝ

Bùi Thị Cẩm Loan